BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
THANH TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 59 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy sữa Trường Thọ

Thực hiện Quyết định số 84/QĐ-TTr ngày 27/02/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 14/3/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy sữa Trường Thọ; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 02/4/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy sữa Trường Thọ (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: chi nhánh công ty cổ phần.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300588569-022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/9/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 23/8/2022.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: sản xuất sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: số 32 Đặng Văn Bi, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại giao dịch: 028.6252.7555.

- Tài khoản số 001518240001 mở tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), địa chỉ: tòa nhà Metropolitan, 235 đường Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Doanh nghiệp đã có tổ chức công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp tại thời điểm thanh tra: 286 người.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Doanh nghiệp chưa thông báo về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 với cơ quan bảo hiểm xã hội.

- Đã báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động năm 2023 với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Phương thức tuyển: doanh nghiệp thực hiện tuyển dụng bằng việc đăng thông tin tuyển dụng tại trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và các trang mạng xã hội tuyển dụng, tìm kiếm việc làm.

- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề; hợp đồng học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: không phát sinh

- Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động *(số liệu tính tại thời điểm thanh tra)*

- Số người không thuộc đối tượng phải ký hợp đồng lao động: 0 người.

- Số người đã ký hợp đồng lao động: 286 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 273 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 13 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.

- Số người lao động thuê lại: 0 người.

- Số người lao động chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Kiểm tra 10 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động, nội dung hợp đồng lao động ghi chưa chi tiết: mục công việc phải làm ghi "...các công việc khác khi được người sử dụng lao động phân công", mục địa điểm làm việc ghi "…các địa điểm khác theo yêu cầu của người sử dụng lao động".

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có người lao động bị mất việc làm.

- Việc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp có 15 lao động thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 06 người lao động đủ điều kiện được hưởng với tổng số tiền là 448.421.250 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể (TƯLĐTT)

- Doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định.

- Doanh nghiệp sử dụng TƯLĐTT do Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam xây dựng và gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương; đã thực hiện đúng nội dung TƯLĐTT.

- Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương thấp nhất doanh nghiệp áp dụng là 7.150.000 đồng đồng/người/tháng, không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

- Thu nhập thấp nhất: 8.223.000 đồng/người/tháng; thu nhập cao nhất: 207.644.000 đồng/người/tháng; bình quân: 25.662.646 đồng/người/tháng.

- Doanh nghiệp áp dụng thang lương, bảng lương và định mức lao động do Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam xây dựng.

- Doanh nghiệp trả lương theo thời gian, qua tài khoản ngân hàng (người sử dụng lao động trả chi phí dịch vụ).

- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm, tiền lương làm việc vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.

- Việc trả tiền lương những ngày người lao động chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động thôi việc: doanh nghiệp thực hiện theo quy định.

- Tại doanh nghiệp không phát sinh ngừng việc.

- Doanh nghiệp không khấu trừ tiền lương của người lao động trái luật.

- Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 40.000 đồng/người/ngày.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp tổ chức làm việc không quá 10 giờ/ngày, 48 giờ/tuần (nghỉ ngày chủ nhật).

- Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ quy định.

- Đã thực hiện nghỉ ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động tại doanh nghiệp trong điều kiện lao động bình thường là 12 ngày, người làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 14 ngày (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không phát sinh.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Doanh nghiệp sử dụng nội quy lao động do Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam xây dựng.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh xử lý kỷ luật lao động.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Doanh nghiệp đang sử dụng 67 lao động nữ.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi; lao động nữ trong thời gian hành kinh.

+ Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nam/nữ riêng biệt.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản theo quy định.

- Đã thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Doanh nghiệp đã phân loại 143 người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; không sử dụng người lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 260 người.

- Đã xây dựng, ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.

- Đã thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; có quy chế hoạt động; an toàn, vệ sinh viên được hưởng phụ cấp trách nhiệm.

- Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Đã bố trí 02 người làm công tác y tế.

- Doanh nghiệp sử dụng 61 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đã được kiểm định đạt yêu cầu.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Doanh nghiệp đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người sử dụng lao động và người lao động theo quy định. Số người chưa được huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động: 0 người. Sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận huấn luyện và cấp thẻ an toàn lao động không có chữ ký của người lao động; giấy chứng nhận huấn luyện của an toàn, vệ sinh viên (nhóm 6) không có ảnh của người lao động.

- Doanh nghiệp đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động.

- Doanh nghiệp đã tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại với mức 13.000 đồng/người/ca làm việc.

- Tổng số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra: 0 vụ. Doanh nghiệp đã mở sổ thống kê tai nạn lao động. Sổ thống kê tai nạn lao động thiếu các nội dung: nơi làm việc, nơi xảy ra tai nạn, nguyên nhân gây ra tai nạn lao động, thiệt hại.

- Việc thực hiện chế độ đối với người lao động bị tai nạn lao động: không phát sinh.

- Doanh nghiệp đã quan trắc môi trường lao động năm 2023; số mẫu đã đo: 272 mẫu; số mẫu đạt tiêu chuẩn: 253 mẫu; số mẫu không đạt tiêu chuẩn: 19 mẫu.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động làm công việc bình thường, người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, lao động nữ theo quy định.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Tại thời điểm thanh tra, số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 286 người; số người đã tham gia: 286 người; số người chưa tham gia: 0 người.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trên hợp đồng lao động và khoản hỗ trợ từ kết quả công việc được nhận.

- Số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tháng 02/2024: 1.386.784.200 đồng.

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã trích đóng đủ tiền cho cơ quan bảo hiểm xã hội; số tiền chậm đóng: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã thực hiện các báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động và báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử.

1.3. Không thu phí tuyển dụng lao động.

1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động theo quy định.

1.5. Đã thực hiện TƯLĐTT.

1.6. Đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc.

1.7. Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc.

1.8. Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm, tiền lương làm việc vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương cho người lao động.

1.9. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 40.000 đồng/người/ ngày.

1.10. Đã thực hiện đúng quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

1.11. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.

1.12. Tại doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

1.13. Đã phân loại lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

1.14. Đã thống kê số lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

1.15. Đã xây dựng, ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.

1.16. Đã thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở.

1.17. Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; có quy chế hoạt động; an toàn, vệ sinh viên được hưởng phụ cấp trách nhiệm.

1.18. Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

1.19. Đã bố trí 02 người làm công tác y tế.

1.20. Đang sử dụng 61 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đã được kiểm định đạt yêu cầu.

1.21. Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

1.22. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động và người lao động.

1.23. Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.24. Đã tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại với mức 13.000 đồng/người/ca làm việc.

1.25. Đã tổ chức quan trắc môi trường lao động.

1.26. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.27. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động làm công việc bình thường, người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, lao động nữ theo quy định.

1.28. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 100% số người thuộc đối tượng phải tham gia; đã nộp đủ số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa thông báo tình hình thay đổi lao động định kỳ 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.2. Nội dung của 10 hợp đồng lao động được kiểm tra chưa đảm bảo quy định: mục công việc phải làm ghi "...các công việc khác khi được người sử dụng lao động phân công", mục địa điểm làm việc ghi "…các địa điểm khác theo yêu cầu của người sử dụng lao động" là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, Hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.3. Giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động của an toàn, vệ sinh viên (nhóm 6) không có ảnh của người lao động theo mẫu 08; sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động không có chữ ký của người lao động theo mẫu số 09; sổ theo dõi cấp thẻ an toàn lao động không có chữ ký của người lao động theo mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

2.4. Chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 25/2022/TT-

BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

2.5. Sổ thống kê tai nạn lao động còn thiếu các nội dung: nơi làm việc, nơi xảy ra tai nạn, nguyên nhân gây ra tai nạn lao động, thiệt hại theo mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH ngày 27/11/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. HẠN CHẾ, BẤT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đứng đầu doanh nghiệp:

1. Khắc phục sai phạm nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra này.

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

3. Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra (gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan) đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 31/5/2024./.

Nơi nhận:
- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Cổng TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ★ THANH TRA VIỆT NAM ★ BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Nguyễn Thị Hồng Diệp